

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 06 - 8 - 2019.
V/v: Không công nhận vợ chồng,
Tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Mai Xuân Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết.

Ông Nguyễn Khánh Duy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thanh Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2019/TLST - HNGĐ ngày 02-05-2019 về việc Không công nhận vợ chồng và tranh chấp nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐ - ST ngày 09-07-2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y – Sinh năm: 1982.

Bị đơn: Anh Phạm Văn M – Sinh năm: 1977.

Cùng địa chỉ: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt chị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Y trình bày:

Chị và anh Phạm văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị Y và anh M chung sống với nhau đến năm 2016 thì không chung sống với nhau nữa. Quá trình chung sống chị Y và anh M có với nhau 03 người con chung; cháu tên Phạm Hồng D, sinh

ngày 06/03/2001; Phạm Hồng D1, sinh ngày 12/05/2003; Phạm Ngọc H, sinh ngày 28/01/2009. Hiện nay cháu D và cháu D1 đã nghỉ học và đã đi làm có thu nhập tự nuôi được bản thân, cháu H vẫn đang đi học hiện đang ở với mẹ. Nay chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị Y và anh M là vợ chồng. Về con chung chị Y có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và các vấn đề khác chị Y không yêu cầu giải quyết.

Ngày 13-6-2019 Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh đã làm việc với UBND xã V, chính quyền địa phương xác nhận chị Y và anh M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống chị Y và anh M có 03 người con chung, về tài sản chung của chị Y và anh M có những gì thì địa phương không nắm được. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành một số quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Thẩm phán và HĐXX, thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung:

Trong hồ sơ vụ án chỉ thể hiện quan điểm của nguyên đơn, không có ý kiến quan điểm của bị đơn, không có phiếu vận đơn tổng đạt các văn bản tố tụng, không tổ chức hòa giải, không thu thập lời khai của bị đơn hoặc gia đình của bị đơn để làm căn cứ giải quyết vụ án, nhưng tòa đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do đó VKSND huyện Trục Ninh thấy chưa đủ căn cứ để giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX nghiên cứu cân nhắc để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh đã tiến hành các quy trình tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, triệu tập, hòa giải, anh M vẫn sinh sống tại địa phương, đã biết việc Tòa án giải quyết nhưng cố tình lẩn tránh không chấp hành do vậy Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh căn cứ quy định pháp luật giải quyết vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Y và anh Phạm Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 đến năm 2016, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận cuộc sống chung giữa chị Y và anh M là vợ chồng. HĐXX xét thấy: tại khoản 3 Nghị

quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đã quy định từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Căn cứ quy định trên, chấp nhận yêu cầu của chị Y, không công nhận chị Y và anh M là vợ chồng theo qui định của pháp luật.

[2.1] Về con chung: Chị Y và anh M có với nhau 03 người con chung; cháu tên Phạm Hồng D, sinh ngày 06/03/2001; Phạm Hồng D1, sinh ngày 12/05/2003; Phạm Ngọc H, sinh ngày 28/01/2009. hiện nay cháu D và cháu D1 đã nghỉ học và đã đi làm có thu nhập tự nuôi được bản thân, cháu H vẫn đang đi học, hiện đang ở với mẹ, cả 03 cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ. Chị Y có yêu cầu được nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con, HĐXX xét thấy trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết anh M không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Y và nguyện vọng của các con chị Y. Chị Y được quyền nuôi cả 03 con chung, cháu tên Phạm Hồng D, sinh ngày 06/03/2001; Phạm Hồng D1, sinh ngày 12/05/2003; Phạm Ngọc H, sinh ngày 28/01/2009. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản và các vấn đề khác đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[4] Án phí: Chị Y phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; và Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Không công nhận chị Nguyễn Thị Y và anh Phạm Văn M là vợ chồng.

2. Con chung: Giao cho Chị Y được quyền nuôi cả 03 con chung cháu tên Phạm Hồng D, sinh ngày 06/03/2001; Phạm Hồng D1, sinh ngày 12/05/2003; Phạm Ngọc H, sinh ngày 28/01/2009. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội.

Chị Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000 đồng, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí mà chị Y đã nộp theo biên lai thu tiền số 05016 ngày 26-4-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Trong thời hạn 15 ngày: Chị Y có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án. Anh M được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự; có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Mai Xuân Mạnh